

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 6 - 2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 26/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX - ST ngày 06/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Khương Thị T – Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Đội 5 thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc L – Sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Đội 5 thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/3/2018 cũng như lời khai chị Khương Thị T tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Vũ Ngọc L vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2008 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh L không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc L.

Về con chung chị Khương Thị T trình bày: Giữa chị và anh L có một con chung là cháu Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/02/2006, hiện cháu H đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản chung của vợ chồng chị T trình bày: Vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Vũ Ngọc L không có mặt (anh L có đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt). Lời khai của anh L tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị T vào năm 2003 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2010 thì chị T bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung anh L xác định vợ chồng anh có một con chung là cháu Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/02/2006, hiện cháu H đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh L đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L đều cư trú tại huyện N. Nay chị Khương Thị T có đơn xin ly hôn anh Vũ Ngọc L và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa hôm nay anh Vũ Ngọc L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát cãi chửi nhau, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 8/2008. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không

còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết chi được ly hôn với anh Vũ Ngọc L. Phía anh Vũ Ngọc L anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L phát sinh, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2008 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng chị T anh L vẫn không được cải thiện, vợ chồng chị T anh L vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của anh Vũ Ngọc L không nhất trí ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng anh L cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2010 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do vậy việc anh L không nhất trí ly hôn chị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L có một con chung là cháu Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/02/2006, hiện cháu H đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, phía anh L đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng của chị T là chính đáng, phù hợp với pháp luật, kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Khương Thị T và anh Vũ Ngọc L.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/02/2006 cho chị Khương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Khương Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số BB/2012/06203 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương